TÒA ÁN QUÂN SỰ KHU VỰC QUÂN KHU 4	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/HS-ST
Ngày 18 tháng 02 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN QUÂN SỰ KHU VỰC QUÂN KHU 4

- Thành phần Hội đồng xét xử (HĐXX) sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: 1// Trần Văn Hùng.

Các Hội thẩm quân nhân: + 2// Phùng Duy Phong.

+ 1// Nguyễn Văn Thắng.

Thư ký phiên tòa: 3/ Nguyễn Thị Cẩm Tú – Thư ký Tòa án quân sự khu vực Quân khu 4.

Đại diện Viện kiểm sát quân sự khu vực 1 Bộ đội Biên phòng tham gia phiên tòa: 4/ Phùng Thị Ngọc Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 18/02/2025 tại Phòng xử án Tòa án quân sự khu vực Quân khu 4 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 02/2025/TLST-HS ngày 16/01/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2025/QĐXXST-HS ngày 05/02/2025 đối với bị cáo:

Lê Văn T; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 10/10/1973 tại tỉnh Hà Tĩnh; Nơi cư trú xóm Tr, xã VT, huyện TH, tỉnh Hà Tĩnh; Cấp bậc, chức vụ, đơn vị khi phạm tội: 1// QNCN, Nhân viên kiểm soát biên phòng, Đồn Biên phòng HH, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Hà Tĩnh; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn H và bà Đặng Thị M (Cả hai đều đã chết); Có vợ là Trần Thị T1 và 03 con, lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị kết án, xử lý hành chính hay xử lý kỷ luật. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

- *Bị hại:* Ông Lê Ngọc T2; Sinh ngày 10/11/1967; Nơi cư trú Tổ dân phố 14, thị trấn TH, huyện TH, tỉnh Hà Tĩnh (Đã tử vong vào ngày 22/8/2024).

- *Người đại diện theo ủy quyền của đại diện hợp pháp bị hại:* Anh Lê Ngọc T3; Sinh ngày 25/01/1998; Nơi cư trú Tổ dân phố 14, thị trấn TH, huyện TH, tỉnh Hà Tĩnh; Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Chị Trần Thị T1; Sinh ngày 11/12/1976; Nơi cư trú xóm Tr, xã VT, huyện TH, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 00 phút ngày 20/8/2024 Lê Văn T, sinh ngày 10/10/1973; Cấp bậc, chức vụ, đơn vị: 1// QNCN, Nhân viên kiểm soát biên phòng, Đồn Biên phòng HH, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Hà Tĩnh (Có giấy phép lái xe hạng A1 số

2024243 do Cục quản lý xe máy, Bộ Quốc phòng cấp năm 2002) điều khiển xe mô tô Biển kiểm soát (BKS) 38N1-6789 đi từ Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Hà Tĩnh đến nhà anh Ngô Văn Đ tại xóm BT, xã LVS, huyện TH, tỉnh Hà Tĩnh để dự liên hoan, tại đây Lê Văn T có uống bia với một số người khác. Đến khoảng 18 giờ 40 phút cùng ngày, Lê Văn T điều khiển xe mô tô BKS 38N1-6789 lưu thông theo hướng từ thị trấn TH đi xã TN khi đi đến đường ĐH 101 thuộc tổ dân phố 14, thị trấn TH, huyện TH, tỉnh Hà Tĩnh đã xảy ra va chạm với ông Lê Ngọc T2, sinh ngày 10/11/1967 tại Tổ dân phố 14, thị trấn TH, huyện TH, tỉnh Hà Tĩnh đang điều khiển xe đạp đi cùng chiều.

Hậu quả: Ông Lê Ngọc T2 và Lê Văn T bị thương được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Tĩnh, sau đó ông Lê Ngọc T2 được đưa về nhà và tử vong, xe mô tô BKS 38N1-6789 và xe đạp bị hư hỏng.

Tại Biên bản khám nghiệm hiện trường vào hồi 19 giờ 35 phút ngày 20/8/2024 của Công an huyện TH, tỉnh Hà Tĩnh xác định: Hiện trường nơi xảy ra vụ tai nạn giao thông là đường ĐH 101 thuộc tổ dân phố 14, thị trấn TH, huyện TH, tỉnh Hà Tĩnh đường bằng bê tông rộng 06m, có đèn chiếu sáng. Tại hiện trường xe mô tô BKS 38N1-6789 nằm ngã nghiêng sang phải, đầu xe hướng về xã TN, đuôi xe hướng về thị trấn TH, xe đạp nhãn hiệu ASAMA nằm ở phần ruộng lúa.

Tại Kết quả xét nghiệm sinh hóa máu của Bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Tĩnh lúc 21 giờ 30 phút ngày 20/8/2024 đối với mẫu máu của Lê Văn T có định lượng Ethanol (Cồn) là 171.3 mg/dl.

Tại Kết luận giám định số 1079/KL-KTHS ngày 30/8/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Hà Tĩnh về giám định cơ học kết luận: Vị trí va chạm đầu tiên giữa xe mô tô BKS 38N1 - 6789 với xe đạp là cánh yếm bên phải xe mô tô với mặt ngoài thanh đỡ bên phải giàn đèo xe đạp; chân phanh mô tô với bánh sau xe đạp.

Tại Kết luận giám định số 1075/KL-KTHS ngày 29/8/2024 đối với tử thi Lê Ngọc T2 về nguyên nhân chết đa chấn thương.

Tại Kết luận định giá tài sản số 142/KL-ĐG ngày 22/10/2024 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân huyện TH, tỉnh Hà Tĩnh đối với xe mô tô BKS 38N1-6789 là 2.605.000 (Hai triệu sáu trăm linh năm nghìn đồng) và xe đạp nhãn hiệu ASAMA city là 450.000 (Bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

Tại phiên tòa bị cáo Lê Văn T thừa nhận hành vi phạm tội của mình, theo lời khai của bị cáo: Khoảng 18 giờ 40 phút ngày 20/8/2024 Lê Văn T sau khi uống bia tại nhà anh Ngô Văn Đ điều khiển xe mô tô BKS 38N1-6789 lưu thông theo hướng từ thị trấn TH đi xã TN khi đi đến đường ĐH 101 thuộc tổ dân phố 14, thị trấn TH, huyện TH, tỉnh Hà Tĩnh đã xảy ra va chạm với một người đàn ông đi xe đạp cùng chiều làm cả hai ngã xuống sau đó người dân đưa Lê Văn T và người đàn ông đi cấp cứu tại bệnh viện và người đàn ông đã tử vong. Sau khi sự việc xảy ra Lê Văn T và gia đình đã thường xuyên thăm hỏi, động viên và đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường thiệt hại với gia đình bị hại ông Lê Ngọc T2 tổng số tiền 350.000.000 (Ba trăm năm mươi triệu đồng) đã bao gồm chi phí sữa chữa xe đạp là 450.000 (Bốn trăm năm mươi nghìn đồng), đã bồi thường xong và nhất trí như thỏa thuận bồi thường thiệt hại.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của đại diện hợp pháp bị hại anh Lê Ngọc T3 khai: Sau khi sự việc xảy ra anh Lê Văn T2 và gia đình đã thường xuyên thăm hỏi, động viên và đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường thiệt hại với gia đình bị hại ông Lê Ngọc T2 tổng số tiền 350.000.000 (Ba trăm năm mươi triệu đồng) đã bao gồm chi phí sữa chữa xe đạp là 450.000 (Bốn trăm năm mươi nghìn đồng), đã bồi thường xong và nhất trí như thỏa thuận bồi thường thiệt hại, mong HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Trần Thị T1 khai: Sau khi vụ tai nạn xảy ra Lê Văn T và chị đã đến thăm hỏi, động viên và đã thỏa thuận bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại ông Lê Ngọc T2 tổng số tiền 350.000.000 (Ba trăm năm mươi triệu đồng) đã bao gồm chi phí sữa chữa xe đạp là 450.000 (Bốn trăm năm mươi nghìn đồng), đã bồi thường xong và thiệt hại của xe mô tô BKS 38N1-6789 là 2.605.000 (Hai triệu sáu trăm linh năm nghìn đồng), tiền bồi thường thiệt hại và chi phí sữa xe mô tô là tài sản chung của hai vợ, chồng nhưng chị T2 không yêu cầu Lê Văn T phải bồi hoàn tiền bồi thường thiệt hại và chi phí sữa chữa xe mô tô BKS 38N1-6789 và không có ý kiến gì thêm.

Tại bản Cáo trạng số 02/CT-VKS-KV1 ngày 15/01/2025 của Viện kiểm sát quân sự khu vực 1 Bộ đội Biên phòng truy tố bị can Lê Văn T về tội *"Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ"* theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự. Tranh luận tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Lê Văn T như trong Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Văn T là *"Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả","Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*" và*"Người phạm tội là người có thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu, học tập hoặc công tác"* vì được tặng thưởng Chiến sỹ thi đua năm 1998, 2018, 2021, Huy chương quân kỳ quyết thắng, Huy chương chiến sỹ vẻ vang hạng ba, Bằng khen năm 2006, 2009, Giấy khen các năm 1999, 2004, 2010 và năm 2013 (4 lần), 2016, 2022 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự vì có bố đẻ là ông Lê Văn H được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhì, Huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng nhất, nhì, ba, Huân chương chiến công hạng nhất năm 1984, 2003, hạng nhì, ba, Huân chương chiễn sỹ giải phóng hạng nhất, Huân chương kháng chiến hạng nhất, Bằng khen các năm 1969, 1975, 1977, 2011, 2013, 2014, Giấy khen các năm 2003 (2 lần), 2013, 2014, Huy hiệu 60 năm tuổi Đảng.

Trên cơ sở đó Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội *"Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ"*.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 260; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 38; khoản 1 Điều 54; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt Lê Văn T từ 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng đến 03 (Ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 05 (Năm) năm.

Hình phạt bổ sung: Không.

Về biện pháp tư pháp: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận việc bị cáo Lê Văn T đã thỏa thuận bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại ông Lê Ngọc T2 tổng số tiền 350.000.000 (Ba trăm năm mươi triệu đồng) đã bao gồm chi phí

sữa chữa xe đạp là 450.000 (Bốn trăm năm mươi nghìn đồng) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Trần Thị T1 không yêu cầu bị cáo Lê Văn T phải bồi hoàn tiền bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại ông Lê Ngọc T2 và chi phí sữa chữa xe mô tô BKS 38N1-6789.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Cơ quan điều tra hình sự khu vực 1 Bộ đội Biên phòng đã trả lại cho bị cáo Lê Văn T 01 (Một) xe mô tô BKS 38N1-6789, 01 (Một) mũ bảo hiểm và bà Phan Thị C (là vợ của bị hại ông Lê Ngọc T2) 01 (Một) chiếc xe đạp nhãn hiệu ASAMA city, việc xử lý là đúng nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, bị cáo Lê Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

Tranh luận tại phiên tòa và lời nói sau cùng bị cáo Lê Văn T đồng ý với lời luận tội của Kiểm sát viên, đồng thời xin Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh của bản thân, gia đình để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Người đại diện theo ủy quyền của đại diện hợp pháp bị hại anh Lê Ngọc T3 đồng ý với lời luận tội của Kiểm sát viên, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi và quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng được thực hiện theo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử thấy các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng trong vụ án đều thực hiện hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

[2]. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố, lời khai này hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo; người đại diện theo ủy quyền của đại diện hợp pháp bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án trong quá trình điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa như Biên bản khám nghiệm hiện trường; Kết luận giám định cơ học; Kết luận giám định tử thi; Kết quả xét nghiệm nồng độ cồn; Kết luận định giá tài sản. Bị cáo Lê Văn T có giấy phép lái xe hạng A1, bị cáo hiểu biết quy định của Luật giao thông đường bộ, Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia và các văn bản hướng dẫn thi hành, vào khoảng 18 giờ 40 phút ngày 20/8/2024 sau khi sử dụng bia tại nhà ông Ngô Văn Đ bị cáo điều khiển xe mô tô BKS 38N1-6789 tham gia giao thông đường bộ để di chuyển trên tuyến đường nơi có biển báo nguy hiểm giao nhau với đường không ưu tiên nhưng bị cáo không giảm tốc độ để có thể dừng lại một cách an toàn và không giữ khoảng cách an toàn giữa hai xe khi tham gia giao thông được quy định tại khoản 1 Điều

5 và Điều 11 Thông tư số 31/2019/TT-BGTVT ngày 29/8/2019 của Bộ giao thông vận tải quy định về tốc độ và khoảng cách an toàn của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ đã vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 12 Luật giao thông đường bộ và quy định cấm điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn nhưng kết quả đo nồng độ Ethanol (cồn) trong máu của Lê Văn T là 171.3 mg/dl đã vi phạm quy định tại khoản 8 Điều 8 Luật giao thông đường bộ (đã được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 35 Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia). Hành vi của Lê Văn T gây hậu quả làm ông Lê Ngọc T2 tử vong, Lê Văn T bị thương, xe mô tô BKS 38N1-6789 và xe đạp nhãn hiệu ASAMA city bị hư hỏng. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát quân sự khu vực 1 Bộ đội Biên phòng truy tố bị cáo Lê Văn T về tội *"Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ"* theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự là có cơ sở.

[3]. Về tính chất hành vi của bị cáo.

Tính chất của vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến an toàn công cộng, trật tự công cộng được pháp luật bảo vệ, xâm phạm tài sản và tính mạng con người, gây ảnh hưởng đến uy tín, danh dự của đơn vị quân đội và ảnh hưởng đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Do đó, việc xử lý hình sự đối với bị cáo là rất cần thiết.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

[4.1]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

[4.2]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Hội đồng xét xử xét thấy Kiểm sát viên đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Văn T là *"Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả","Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*" và*"Người phạm tội là người có thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu, học tập hoặc công tác"* vì được tặng thưởng Chiến sỹ thi đua năm 1998, 2018, 2021, Huy chương quân kỳ quyết thắng, Huy chương chiến sỹ vẻ vang hạng ba, Bằng khen năm 2006, 2009, Giấy khen các năm 1999, 2004, 2010 và năm 2013 (4 lần), 2016, 2022 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự vì có bố đẻ là ông Lê Văn H được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhì, Huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng nhất, nhì, ba, Huân chương chiến công hạng nhất năm 1984, 2003, hạng nhì, ba, Huân chương chiễn sỹ giải phóng hạng nhất, Huân chương kháng chiến hạng nhất, Bằng khen các năm 1969, 1975, 1977, 2011, 2013, 2014, Giấy khen các năm 2003 (2 lần), 2013, 2014, Huy hiệu 60 năm tuổi Đảng là có cơ sở.

[5]. Về biện pháp tư pháp: Bị cáo Lê Văn T đã thỏa thuận bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại ông Lê Ngọc T2 tổng số tiền 350.000.000 (Ba trăm năm mươi triệu đồng) đã bao gồm chi phí sữa chữa xe đạp là 450.000 (Bốn trăm năm mươi nghìn đồng) và đã bồi thường xong. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của đại diện hợp pháp bị hại anh Lê Ngọc T3 và bị cáo Lê Văn T nhất trí giữ nguyên quan điểm như đã thỏa thuận bồi thường thiệt hại và không có ý kiến

gì khác, Hội đồng xét xử thấy bồi thường thiệt hại là tự nguyện và đúng pháp luật nên ghi nhận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Trần Thị T1 không yêu cầu bị cáo Lê Văn T phải bồi hoàn chi phí bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại ông Lê Ngọc T và thiệt hại của xe mô tô BKS 38N1-6789 và không có ý kiến khác, do đó Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6]. Về quyết định hình phạt của bị cáo.

Trên cơ sở xem xét, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo Lê Văn T ngoài lần phạm tội lần này chưa bị kết án, xử lý hành chính hay xử lý kỷ luật, bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người đại diện theo ủy quyền của đại diện hợp pháp bị hại là anh Lê Ngọc T3 đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự để xử phạt tù nhưng bị cáo đủ điều kiện được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách được quy định tại khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự và Hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự về án treo và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo nên không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội cũng có thể giáo dục bị cáo.

Tuy nhiên, xét về hoàn cảnh gia đình bị cáo Lê Văn T khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử có cân nhắc, xem xét khi quyết định hình phạt.

[7]. Xử lý vật chứng: Quá trình giải quyết vụ án Cơ quan điều tra hình sự khu vực 1 Bộ đội Biên phòng đã trả lại cho bị can Lê Văn T 01 (Một) xe mô tô BKS 38N1-6789, 01 (Một) mũ bảo hiểm và bà Phan Thị C (là vợ của bị hại ông Lê Ngọc T2) 01 (Một) chiếc xe đạp nhãn hiệu ASAMA city việc xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8]. Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, Lê Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên, căn cứ vào điểm g, khoản 2 Điều 260 Bộ luật tố tụng hình sự;

QUYẾT ĐỊNH

1. Về hình sự

Tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội *"Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ"*.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 260; điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt Lê Văn T 03 (Ba)

năm tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 05 (Năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 18/02/2025).

Giao Lê Văn T cho Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Hà Tĩnh giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp Lê Văn T vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc của người được hưởng án treo thì việc thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án Hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án Hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về biện pháp tư pháp

Ghi nhận bị cáo Lê Văn T đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại ông Lê Ngọc T2 tổng số tiền 350.000.000 (Ba trăm năm mươi triệu đồng) đã bao gồm chi phí sữa chữa xe đạp là 450.000 (Bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

Ghi nhận chị Trần Thị T1 không yêu cầu Lê Văn T phải bồi hoàn chi phí bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại ông Lê Ngọc T2 và chi phí sữa chữa xe mô tô BKS 38N1-6789.

3. Về án phí

Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự bị cáo Lê Văn T phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo đối với bản án

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 18/02/2025) bị cáo; người đại diện theo ủy quyền của đại diện hợp pháp bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án quân sự Quân khu 4.

***Nơi nhận*:**
- VKSQSKV1BĐBP;
- VKSQSBĐBP;
- Bị cáo;
- Người đại diện theo ủy quyền của đại diện hợp pháp bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- TAQSTW;
- CQĐTHSKV1BĐBP;
- THA HS; THA DS;
- Lưu: Hồ sơ, H12.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

1// Trần Văn Hùng